

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM SÁCH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đắc Quýnh; Bà Trần Thị Liên.

**- Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:** Ông Phùng Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên toà số 02/2021/QĐHPTST-DS ngày 27/4/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972;

ĐKHKT và chỗ ở: Đội 5, thôn A, xã B, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Viết C sinh năm 1969;

ĐKHKT và chỗ ở: Đội 5, thôn A, xã B, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Viết C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 05/09/1992, tại UBND xã B, N, Hải Dương. Sau kết hôn anh chị được bố mẹ chồng cho đất ra ở riêng tại ở thôn A. Đến khoảng năm 1999 anh chị chuyển vào Đắc Lák làm ăn, sau đó thì chuyển đến tỉnh Bình Phước. Đến khoảng năm 2011 anh chị về quê và sinh sống ở thôn A, xã B, huyện N, tỉnh Hải Dương cho đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống hay xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm. Tính cách của anh C cục cằn nên khi vợ chồng có mâu thuẫn anh C hay sử dụng bạo lực với chị. Do nghĩ đến các con nên chị đã nhiều lần bỏ qua cho anh C nhưng từ khoảng 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên nghiêm trọng, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, anh C hay uống rượu say về nhà gây sự, chửi mắng xúc phạm chị. Từ tháng 1/2020 chị và anh C sống ly thân. Mặc dù đã sống ly thân nhưng mỗi khi anh C uống rượu tại tìm đến chửi bới, quấy phá chị. Đến nay chị nhận thấy không thể quay về chung sống với anh C được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 20/5/1995; Nguyễn Viết T1, sinh ngày 17/01/1999; Nguyễn Viết V, sinh ngày 30/11/2001, hiện nay các con đều đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh C sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Viết C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1992 (không nhớ ngày tháng), tại UBND xã B, N, Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị được bố mẹ anh cho đất ra ở riêng tại ở thôn A, B, N, Hải Dương. Khoảng năm 1999 anh chị chuyển đến Đắc Lák làm ăn, sau đó chuyển đến Bình Phước. Đến khoảng năm 2011 anh chị về quê và sinh sống tại thôn A cho đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt. Khoảng 2 năm trở lại đây thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H hay đi chơi, tham gia văn nghệ, hát hò anh không đồng ý với việc làm của chị H nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Ngoài ra còn nguyên nhân khác là do anh bị ốm, chị H nảy sinh tâm lý chán nản và muốn bỏ anh. Từ tháng 1/2020 anh và chị H sống ly thân. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh không muốn vợ chồng bỏ nhau vì còn phải giữ thể diện cho các con, nhưng nếu chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 20/5/1995; Nguyễn Viết T1, sinh ngày 17/01/1999; Nguyễn Viết V, sinh ngày 30/11/2001, hiện nay các con chung đều đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Theo biên bản xác minh UBND xã B:* Chị H, anh C đăng ký kết hôn ngày 25/9/1992 tại UBND xã A. Về mâu thuẫn của chị H, anh C, chính quyền, tổ chức đoàn thể tại địa phương chưa tiến hành hoà giải do không có ai đề nghị. Qua nắm bắt thông tin tại thôn A xác định chị H, anh C hay xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh C là người chịu khó làm ăn nhưng hay uống rượu say, chửi bới vợ con. Từ đầu năm 2020 chị H và anh C sống ly thân. Thỉnh thoảng anh C uống rượu say lại tìm đến cãi chửi nhau với chị H. Chị H, anh C 3 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 20/5/1995; Nguyễn Viết T1, sinh ngày 17/01/1999; Nguyễn Viết V, sinh ngày 30/11/2001, hiện nay các con chung của anh chị đã trưởng thành, không ai có nhược điểm về thể chất và tinh thần.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn vắng mặt có lý do, tại đơn xin vắng mặt thể hiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm đã trình bày. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân xử cho chị H ly hôn anh C; Về con chung: đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết; Về án phí: chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt do thực hiện phòng chống dịch Covid\_19. Bị đơn anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Viết C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn 05/09/1992 tại UBND xã B, N, Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày quá trình anh chị chung sống hay xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh C là người cục cằn, hay uống rượu, chửi bới xúc phạm, sử dụng bạo lực với chị. Anh C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H hay đi chơi, đi hát hò, anh không đồng ý. Chị H, anh C đều xác định anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 1/2020. Như vậy lời khai của chị H, anh C về mâu thuẫn vợ chồng, thời điểm sống ly thân phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản xác minh tại UBND xã B. Do đó có đủ căn cứ các định quá trình chung sống chị H, anh C hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C đến tham gia phiên hòa giải nhưng anh C đều vắng mặt chứng tỏ anh C có thái độ bỏ mặc, không mong muốn hòa giải để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh C. Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/03/2021, anh C trình bày “ Tôi không muốn vợ chồng ly hôn vì còn phải giữ thể diện cho các con, nhưng nếu chị H vẫn cương quyết bỏ tôi, tôi cũng nhất trí” (BL 30). Nên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị H, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị H ly hôn anh C.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H, anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 20/5/1995; Nguyễn Viết T1, sinh ngày 17/01/1999; Nguyễn Viết V, sinh ngày 30/11/2001, hiện nay các con chung đều đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về sản chung, nợ chung: Chị H, anh C xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Viết C.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2018/0004254 ngày 16 tháng 3 năm 2021.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- UBND xã B;
- Chi cục THA.DS huyện Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký)**

**Đoàn Thị Thu Thúy**

